TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 10 năm 2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Biên Cương
2. Ông Vũ Hải Đăng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1975(vắng mặt)

HKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang .

Hiện lao động tại Úc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 và bản tự khai ngày 28/6/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T ngày 14/1/1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ra ở riêng, không sống cùng bố, mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận và có 04 con

chung. Năm 2014, anh Q sang Úc lao động, chị và anh Q vẫn thường xuyên liên lạc, trao đổi qua điện thoại. Từ tháng 3/2015 thì anh Q không liên lạc với gia đình nữa. Do sống xa nhau, tình cảm của hai vợ chồng dần thay đổi, nhiều lần chị gọi điện nhưng anh Q không nghe máy, nếu có nghe máy, anh Q và chị cũng lời qua tiếng lại, cãi vã, tranh luận gay gắt. Đến khoảng tháng 3/2016, chị và anh Q cắt đứt liên lạc. Anh Q chỉ liên lạc với gia đình bên nội chứ không liên lạc với chị và các con, không quan tâm gì đến vợ con cả về vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay, chị chỉ biết anh Q đang lao động ở bên Úc nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh Q. Chị có hỏi gia đình anh Q nhưng gia đình anh Q cho biết anh Q chỉ liên lạc qua điện thoại chứ không cho biết địa chỉ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn Q.

Về con chung: chị và anh anh Q có 04 con chung:

+ Đặng Thị Lan A, sinh ngày 07/8/1997

+ Đặng Mai A, sinh ngày 19/8/2003

+ Đặng Gia N, sinh ngày 11/01/2011

+ Đặng Gia B, sinh ngày 11/01/2011

Cháu Đặng Thị Lan A đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả ba cháu Đặng Mai A, Đặng Gia N, Đặng Gia B và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ : Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị TH là mẹ đẻ anh Đặng Văn Q trình bày: Anh Đặng Văn Q là con trai bà. Hiện anh Q đang đi lao động tại nước ngoài. Từ khi đi lao động ở nước ngoài, anh Q chỉ liên lạc với bà qua điện thoại. Bà không biết anh Q hiện đang ở địa chỉ nào ở nước ngoài do anh Q không nói cho bà biết nên bà không cung cấp cho Tòa án được.

Bà đã thông báo cho anh Q biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết đơn xin ly hôn của chị T với anh Q. Anh Q đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T và ủy quyền cho bà nhận thay giấy tờ của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để thông báo lại cho anh Q biết.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có nhận được đơn đề nghị đề ngày 10/6/2017 của anh Đặng Văn Q gửi qua đường bưu điện. Anh Q trình bày: Hiện nay anh đang lao động ở Úc do công việc không ổn định nên thường xuyên thay đổi chỗ ở vì vậy không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa, anh đã nhận được thông tin của mẹ anh thông báo về việc chị T xin ly hôn anh và thông báo công khai tiếp cận chứng cứ, hòa giải và anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T có được tìm hiểu, tự

nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 14/01/1996 tại UBND xã T, huyện L. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014 anh sang Úc lao động thời gian đầu vợ chồng liên lạc bằng điện thoại, sau đó thưa dần vì lý do mỗi lần liên lạc thì vợ chồng hay to tiếng với nhau, đến tháng 3/2015 vợ chồng không liên lạc, anh chỉ liên lạc với mẹ anh, nay chị T xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T. Đề nghị Tòa giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 04 con chung là:

+ Đặng Thị Lan A, sinh ngày 07/8/1997

+ Đặng Mai A, sinh ngày 19/8/2003

+ Đặng Gia N, sinh ngày 11/01/2011

+ Đặng Gia B, sinh ngày 11/01/2011

Cháu Đặng Thị Lan A đã trưởng thành, cháu Đặng Mai A, Đặng Gia N, Đặng Gia B chị T đề nghị giao ba con chung cho chị nuôi anh đồng ý vì anh không ở Việt Nam và nếu chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung anh đồng ý.

Về tài sản, công nợ không có gì liên quan nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc ở Úc không ổn định nên không có địa chỉ cụ thể nên anh đề nghị mọi văn bản giấy tờ, bản án của Tòa án xin giao lại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị TH mẹ anh có trách nhiệm thông báo lại cho anh và anh xin vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Ngày 03/10/2017, chị Nguyễn Thị T đã có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết tại đơn đề nghị do anh Đặng Văn Q gửi về để có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết này đúng là của anh Đặng Văn Q.

Ngày 03/10/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định trưng cầu giám định số 10/2017/QĐ-TCGĐ trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký "Đặng Văn Q" trong đơn đề nghị theo đề nghị của chị T tại Phòng Giám định, Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại Kết luận giám định số 1496/PC54 ngày 06/10/2017 của Phòng giám định đã kết luận: Chữ ký mang tên Đặng Văn Q tại mục "Người viết đơn" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Đặng Văn Q tại mục "Người viết đơn" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1); tại mục "Người nộp tiền" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2); tại mục "Chồng - (Ký và ghi rõ họ tên)" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra.

Chữ viết mang tên Đặng Văn Q trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết có nội dung "Đặng Văn Q" tại mục "Người nộp tiền" trên tài liệu mẫu (ký

hiệu M2); tại mục "Chồng - (Ký và ghi rõ họ tên)" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; tại đơn đề nghị đề ngày 10/6/2017 anh Q trình bầy xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng; và việc việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết ly hôn cho chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q; Giao 03 con chung cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Đặng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Văn Q đang ở Úc không có địa chỉ cụ thể. Cục xuất nhập cảnh đã có văn bản trả lời là anh Đặng Văn Q, sinh ngày 13/5/1975 đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 20/02/2015, chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thông qua gia đình anh Đặng Văn Q thì anh Q đang lao động tại Úc và vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ của anh Q và thông báo cho anh Q biết về việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn. Bà Nguyễn Thị TH là mẹ đẻ anh Q cho biết anh Q liên lạc về với gia đình qua điện thoại và cho biết đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Ngày 02 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có nhận được đơn đề nghị của anh Đặng Văn Q đề ngày 10/6/2017 gửi tới qua đường bưu điện có nội dung đồng ý với yêu cầu ly hôn; yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T và xin được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra

Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh Đặng Văn Q trong đơn đề nghị theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Tại Kết luận giám định của Phòng giám định - Công an tỉnh Bắc Giang đã khẳng định: Chữ ký và chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết "Đặng Văn Q" trên các tài liệu mẫu **là do cùng một người viết ra**. Ngày 03 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn Q kết hôn với nhau ngày 14/1/1996 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, anh Q sang Úc lao động. Từ tháng 3/2015, anh Q không liên lạc với gia đình. Do sống xa nhau, tình cảm giữa chị T, anh Q dần thay đổi, nhiều lần chị gọi điện nhưng anh Q không nghe máy, nếu có nghe máy, anh Q và chị cũng lời qua tiếng lại, cãi vã, tranh luận gay gắt. Đến khoảng tháng 3/2016, chị và anh Q cắt đứt liên lạc. Từ đó đến nay vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và về kinh tế, anh Q không cho chị T biết địa chỉ của mình. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: Chị T và anh Q có 04 con chung là: Đặng Thị Lan A, sinh ngày 07/8/1997; Đặng Mai A, sinh ngày 19/8/2003; Đặng Gia N, sinh ngày 11/01/2011; Đặng Gia B, sinh ngày 11/01/2011. Hiện tại cháu Đặng Thị Lan A đã trưởng thành chị T không yêu cầu giải quyết; các cháu Đặng Mai A, cháu Đặng Gia N, cháu Đặng Gia B đang ở với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Anh Q đang ở nước ngoài có ý kiến đồng ý với yêu cầu đề nghị được nuôi 3 con chung của chị T, cháu Đặng Mai A có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị T giao 03 con chung là cháu Đặng Mai A, Đặng Gia N, Đặng Gia B cho chị T trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí giám định: Chị T có đơn đề nghị giám định chữ viết, chữ ký

của anh Đặng Văn Q do vậy chị Nguyễn Thị T phải chịu chi phí giám định. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền chi phí giám định 2.500.000 đồng.

[5]Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 37, Điều 227, khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q.

2.Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là cháu Đặng Mai A, sinh ngày 19/8/2003; Đặng Gia N, sinh ngày 11/01/2011; Đặng Gia B, sinh ngày 11/01/2011. Anh Đặng Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/000529 ngày 11/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định là 2.500.000đ. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn anh Đặng Văn Q cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thân Quốc Hùng